TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DUYÊN HẢI** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:07/2020/HNGĐ-ST
Ngày 24-7-2020
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tấn Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Lệ Tuyết

2. Ông Hà Văn Quen

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Vĩnh Lâm – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải tham giam phiên tòa***: Ông Trương Thanh Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 228/2019/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2020/QĐHPT-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu G, sinh năm 1988 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp A, xã L, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh
Bị đơn: Ông Thạch Đức N, sinh năm 1982 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp A, xã L, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 12 năm 2019 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu G đã trình bày như sau:

- Về hôn nhân: bà và ông Thạch Đức N tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 26/10/2018 tại UBND xã L. Trong thời gian chung sống vợ chồng bà xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã. Ông N nhiều lần bỏ nhà đi không lo cho mẹ con bà. Nay bà không còn tình cảm với ông N nửa. Bà không muốn tiếp tục sống chung với ông N nên yêu cầu được ly hôn ông Thạch Đức N.

- Về con chung: bà yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con là cháu Thạch Nguyễn Thảo T, sinh ngày 18/6/2013 và Thạch Nguyễn Thanh T, sinh ngày 18/9/2018. Bà xin rút lại không yêu cầu ông Ngân cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng bà không có nợ chung.

Bị đơn ông Thạch Đức N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng ông N không nộp cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu G. Ông N cũng được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai, chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhưng ông N vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày của ông Ngân trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt. Vì vậy, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử: Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử có mặt tại Tòa đã thực hiện đúng các thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn ông Thạch Đức N của bà Nguyễn Thị Thu G.

+ Về con chung: Vị Kiểm sát viên đề nghị giao con Thạch Nguyễn Thảo T, sinh ngày 18/6/2013 và Thạch Nguyễn Thanh T, sinh ngày 18/9/2018 cho bà Nguyễn Thị Thu G trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: bà Nguyễn Thị Thu G rút lại không yêu cầu cấp dưỡng nên đề nghị đình chỉ giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: bà Nguyễn Thị Thu G và ông Thạch Đức N không yêu cầu và khai không có nên đề nghị không xem xét.

+ Về án phí: nguyên đơn chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

+ Về kiến nghị, khắc phục: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Thu G khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Thạch Đức N và yêu cầu giải quyết việc nuôi con giữa bà G và ông N. Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Thạch Đức N có hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Thạch Đức Nlà bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không vì trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng. Ông N cũng không có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét ý kiến của nguyên đơn, Kiểm sát viên và căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Thạch Đức N.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu G và ông Thạch Đức N tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn 26/10/2018 tại UBND xã L theo đúng quy định pháp luật. Vì vậy, hôn nhân của bà G và ông N là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Theo bà N trong thời gian chung sống, giữa bà Gg và ông N có xảy ra mâu thuẫn Ông N nhiều lần bỏ nhà đi không lo cho mẹ con bà. Từ đó vợ chồng sống ly thân trước khi nộp đơn ly hôn tại Tòa án. Quá trình hòa giải tại Tòa án, bà Gương cũng thừa nhận giữa bà và ông N có xảy ra mâu thuẫn. Kết quả xác minh của Tòa án về nguyên nhân mâu thuẫn của bà G và ông N thể hiện giữa bà G và ông N có xảy ra mâu thuẫn là có thật. Đồng thời, trước đây ông N và bà G đã ra Tòa ly hôn một lần. Sau đó, ông bà kết hôn sống chung trở lại. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổ chức hòa giải tạo điều kiện để bà G và ông N đoàn tụ tiếp tục chung sống nhưng ông N vắng mặt và bà G vẫn cương quyết ly hôn. Tại các lần Tòa án mở phiên tòa mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông N vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử thấy rằng vợ chồng muốn được hạnh phúc là phải cùng yêu thương nhau, cùng chung sống và cùng mong muốn xây đắp gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên sau khi Tòa án tổ chức hòa giải, bà G một mực cương quyết yêu cầu ly hôn ông N vì cho rằng không còn tình cảm với ông N và không muốn tiếp tục chung sống với ông N. Tại phiên tòa, bà G vẫn cương quyết muốn ly hôn ông N. Điều này cho thấy khả năng để bà G và ông N đoàn tụ để chung sống là rất khó thực hiện được. Bà G và ông N hiện tại đang sống ly thân. Trong thời gian này, bà G và ông N cũng không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Từ đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu G như đề nghị của vị Kiểm sát viên.

[5] Về nuôi con: Bà G và ông N có con chung là cháu Thạch Nguyễn Thảo T, sinh ngày 18/6/2013 và Thạch Nguyễn Thanh T, sinh ngày 18/9/2018. Hiện tại cháu T và cháu T đang sống chung với bà G. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà G đều yêu cầu được quyền nuôi con. Cháu Thạch Nguyễn Thảo T cũng có nguyện vọng được sống với bà G. Xét điều kiện của bà G, ý kiến của cháu Thảo T thì thấy rằng việc giao cháu T và cháu T cho bà Nguyễn Thị Thu G tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định pháp luật, đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu như đề nghị của Kiểm sát viên. Sau khi ly hôn, nếu cháu T và cháu T chưa đủ 18 tuổi và có nguyện vọng sống với ông Ngân hoặc bà G không đảm bảo

điều kiện nuôi cháu T và cháu Trúc theo quy định pháp luật thì ông N có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi cháu T và cháu T.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Thu G là người được giao nuôi cháu T và cháu T nhưng bà G rút lại yêu cầu cấp dưỡng con nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu này. Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Thu G có quyền yêu cầu ông Thạch Đức N cấp dưỡng nuôi cháu T và cháu T theo quy định của pháp luật.

[7] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thu G không có yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng. Ông Thạch Đức N không có ý kiến chia tài sản chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét giải quyết.

[8] Về nợ: Bà Nguyễn Thị Thu G khai không có nợ chung; ông Thạch Đức N không có ý kiến về nợ chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu G không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí hoặc không phải nộp án phí. Vì vậy, bà Gương là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu G. Bà Nguyễn Thị Thu G được ly hôn ông Thạch Đức N.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Thu G tiếp tục trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Thạch Nguyễn Thảo T, sinh ngày 18/6/2013 (theo nguyện vọng của cháu T) và cháu Thạch Nguyễn Thanh T, sinh ngày 18/9/2018.

Không ai được quyền cản trở bà Nguyễn Thị Thu G và ông Thạch Đức N trong việc trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nôm con.

Vì lợi ích của cháu Thạch Nguyễn Thảo T và Thạch Nguyễn Thanh T, khi cần thiết và có yêu cầu của ông Thạch Đức N hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án sẽ xem xét giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Nếu ông Thạch Đức N lạm dụng việc thăm nôm để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì bà

Nguyễn Thị Thu G có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nôm con của ông Thạch Đức N theo quy định pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Thu G là người được giao nuôi cháu Thạch Nguyễn Thảo T và Thạch Nguyễn Thanh T nhưng bà G rút lại yêu cầu ông Thạch Đức N cấp dưỡng nuôi con nên đình chỉ xét xử yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà G.

Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Thu G có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con là ông Thạch Đức N cấp dưỡng nuôi cháu Thạch Nguyễn Thảo T và Thạch Nguyễn Thanh T theo quy định pháp luật.

4. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thu G không yêu cầu giải quyết và ông Thạch Đức N không có ý kiến chia tài sản chung nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, nếu bà Nguyễn Thị Thu G và ông Thạch Đức N có tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng có được trong thời kỳ hôn nhân thì bà G hoặc ông N có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

5. Về nợ: Bà Nguyễn Thị Thu G khai không có nợ ai. Ông Thạch Đức N không có ý kiến về nợ chung nên ghi nhận ý kiến và không xem xét.

6. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Thu G phải chịu án dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số:00004880 ngày 09/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải. Như vậy, bà Nguyễn Thị Thu G đã nộp xong án phí. Ông Thạch Đức N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

7. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Thạch Đức N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể được tống đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TX. D;
- Chi cục THADS TX. D;
- Đương sự;
- UBND xã L;
- Lưu: hồ sơ vụ án. (10 bản)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Tấn Thanh